TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TỊNH BIÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/HS-ST
Ngày: 26 - 01 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Hoàng.

Bà Lương Thị Hoàng Kim.

Thư ký phiên toà: Ông Châu Kim Sol – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 70/2023/TLST- HS ngày 22 tháng 12 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Hồng Quang H, sinh năm 1983, nơi sinh: Huyện M, tỉnh Bến Tre, nơi thường trú: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre, nơi ở hiện nay: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; cha: Hồng Văn S sinh năm 1952 *(đã chết);* mẹ: Phan Thị S1, sinh năm 1953, vợ: Nguyễn Thị Mỹ H1, sinh năm 1992.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Hồng Quang H bị tạm giam từ ngày 02/8/2023 cho đến nay, tại Nhà tạm giữ - Công an thị xã T.

Bị hại:

- Anh Nguyễn Duy T, sinh năm 1983, địa chỉ: Ấp A, xã A, thị xã T, An Giang.

- Anh Đặng Hoàng V, 1983, địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Chị Lê Thị Di N, sinh năm 1985, địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Anh Phạm Văn L, sinh năm 1987, địa chỉ: Khu phố P, thị trấn P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị Mỹ H1, sinh năm 1992, địa chỉ: Tổ G, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

- Chị Nguyễn Thị Bích T1, sinh năm 1990, địa chỉ: Tổ G, khóm A, phường C, thị xã T, An Giang.

- Chị Lê Thị Kim T2, sinh năm 1979, địa chỉ: Tổ I, ấp T, xã T, thị xã T, An Giang.

- Chị Nguyễn Minh T3, sinh năm 1978, địa chỉ tổ I, ấp T, xã T, thị xã T, An Giang.

- Chị Phan Hoàng A, sinh năm 1986, địa chỉ: Ấp F, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- Chị Đinh Thị T4, sinh năm 1981, địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Anh Trần Thanh N1, sinh năm 2001, địa chỉ: Ấp V, xã V, thị xã T, An Giang.

- Anh Phạm Hoài T5, sinh năm 1993, địa chỉ: A, ấp A, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Anh Đào Viết Đ, sinh năm 1974, địa chỉ: Số A, Quốc lộ F, Khu phố C, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1979, địa chỉ: Số A, Quốc lộ F, Khu phố C, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- Chị Võ Thị Kim S2,sinh năm 1993, ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Anh Trần Thanh P, sinh năm 1977, địa chỉ: Khu phố P, thị trấn P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Anh Nguyễn Văn H2, sinh năm 1970, địa chỉ: Ấp T, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Thanh T6, sinh năm 1994.

- Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1969,

- Chị Huỳnh Ngọc T7, sinh năm 1975

- Chị Đinh Thị T4, sinh năm 1981.

- Anh Nguyễn Trung D1, sinh năm 1994.

- Anh Nguyễn Minh T8, sinh năm 1997.

- Chị Phạm Thị L1, sinh năm 1967.

(Bị cáo H*, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị* H1 *có mặt những người còn lại vắng mặt tại phiên tòa)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài, từ ngày 02/7/2023 đến ngày 01/8/2023 Hồng Quang H thực hiện 03 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa chỉ huyện M, tỉnh Bến Tre; thị xã T, tỉnh An Giang và huyện C, tỉnh Tiền Giang, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 16 giờ ngày 02/7/2023, H điều khiển xe mô tô biển số 67L2-168.26 đến nhà máy C1 tại khu phố P, thị trấn P, huyện M, tỉnh Bến Tre do anh Phạm Văn L làm chủ. Tại đây, H gặp chị Phạm Hoài T5 (nhân viên của xưởng) đặt mua sắt xây dựng gồm: 33 cây sắt kích thước 30x60x1,2x6000; 09 cây sắt kích thước 40x80x1,2x6000; 07 ống tròn kích thước 76x1,4x6000; 05 cây sắt vuông loại 25mm; 02 cây sắt loại V40 dài 06m với tổng số tiền là 12.700.000 đồng và yêu cầu giao số sắt trên đến nhà chị Phạm Thị L1 (mợ của H) thuộc ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre, giao xong sẽ trả tiền.

Đến khoảng 09 giờ 30 phút ngày 03/7/2023, anh Nguyễn Minh T8 (người làm thuê cho anh L) vận chuyển toàn bộ số sắt trên đến trước sân nhà chị L1 giao cho H. Lúc này, H điện thoại nói với chị T5 đi rút tiền rồi mang trả sau, được chị T5 đồng ý. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, H thuê xe của anh Trần Thanh P với số tiền 500.000 đồng để chở toàn bộ sắt trên đến cửa hàng Hải Nguyên tại khu phố C, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre bán cho anh Đào Viết Đ1 được 9.905.000 đồng. Nhận tiền xong, H không trả tiền cho chị T5, mà H sử dụng số tiền này vào việc tiêu xài cá nhân.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày 19/7/2023, H điều khiển xe 67L2 – 168.26 đến xưởng cán tôn T10 thuộc tổ C, ấp A, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang do anh Nguyễn Duy T làm chủ. Tại đây, H tự xưng tên L2 gặp chị Nguyễn Thị Bích T1 (nhân viên của xưởng) đặt mua một số loại sắt và lưới B40, bao gồm: 32 cây sắt vuông có kích thước 30x60, dày 1,2 ly, chiều dài 06 mét; 10 cây sắt vuông có kích thước 40x80, dày 1,4 ly, chiều dài 06 mét; 12 cây sắt vuông 75, dày 1,4 ly, chiều dài 06 mét; 10 cây sắt vuông V4 trung, chiều dài 06 mét; 10 cây sắt vuông có kích thước 13x26, dày 1,2 ly, chiều dài 06 mét; 15 cây sắt vuông 30, dày 1,2 ly, chiều dài 06 mét và lưới B40 cao 1,5 mét, dài 20 mét, cân nặng 54 kg với tổng số tiền 18.063.000 đồng, H yêu cầu giao sắt và lưới B40 tại khu vực rừng tràm T thuộc ấp V, xã V, thị xã T, giao xong sẽ trả tiền.

Khoảng 30 phút sau, chị T1 kêu anh Nguyễn Thanh T6 và anh Nguyễn Văn C (nhân viên của xưởng) vận chuyển sắt và lưới B40 lên xe máy cày có kéo thùng phía

sau chở đến khu vực rừng tràm T. Sau khi nhận sắt và lưới B40 xong, H kêu anh T6 và anh C điều khiển xe chạy theo H về hướng phường N để lấy tiền. Trên đường đi, H nói đi rút tiền rồi mang trả sau, nên H kêu anh T6 và anh C đi về trước. Sau đó, H thuê xe của anh Trần Thanh N1 với số tiền 700.000 đồng chở sắt và lưới B40 trên đến cửa hàng vật liệu xây dựng Hồ N tại ấp T, xã T, thị xã T bán cho anh Nguyễn Minh T3 và chị Lê Thị Kim T2 được 13.543.000 đồng. Nhận tiền xong, H không trả tiền cho chị T1, mà H sử dụng số tiền này vào việc tiêu xài cá nhân.

Vụ thứ ba: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 01/8/2023, H điều khiển xe mô tô biển số 60V8 – 8648 đến cửa hàng T11 tại ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang do vợ chồng chị Lê Thị Di N và anh Đặng Hoàng V làm chủ để hỏi mua sắt thép. Tại đây, H tự xưng tên L2 gặp chị N hỏi mua các loại sắt gồm: 24 thanh sắt hộp có kích thước (30x60x1,4x6000)mm; 10 thanh sắt hộp có kích thước (40x80x1,4 x 6000)mm; 10 thanh sắt hộp có kích thước (50x10x1,4x6000)mm; 15 thanh sắt vuông có kích thước (30x1,2x6000)mm; 10 thanh sắt vuông có kích thước (90x1,4x6000)mm và 15 thanh sắt loại V4 dài 06 mét với tổng số tiền 22.785.000 đồng, H yêu cầu chị N giao sắt vừa mua đến khu đất trống thuộc khu vực ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang, giao xong sẽ trả tiền.

Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, chị N kêu anh Huỳnh Ngọc T7 điều khiển xe mô tô ba bánh chở sắt giao cho H. Sau đó, H thuê xe của anh Nguyễn Văn H2 với số tiền 400.000 đồng để chở số sắt trên đến vựa phế liệu tại ấp G, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang bán cho anh Phan Hoàng A được 14.782.500 đồng. Nhận tiền xong, H không trả tiền cho chị N, mà H sử dụng số tiền này vào việc tiêu xài cá nhân.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số: 1618/KL-HĐĐG.TTHS ngày 03/8/2023, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã T, tỉnh An Giang, xác định:

- 32 cây sắt có kích thước 30x60, dày 1,2 ly, chiều dài 06 mét, được định giá 5.696.000 đồng;

- 10 cây sắt có kích thước 40x80, dày 1,4 ly, chiều dài 06 mét, được định giá 2.740.000 đồng;

- 12 cây sắt vuông 75, dày 1,4 ly, chiều dài 06 mét, được định giá 4.140.000 đồng;

- 10 cây sắt vuông V4 trung, chiều dài 06 mét, được định giá 1.850.000 đồng;

- 10 cây sắt có kích thước 13x26, dày 1,2 ly, chiều dài 06 mét, được định giá 760.000 đồng;

- 15 cây sắt vuông 30, dày 1,2 ly, chiều dài 06 mét, được định giá 1.770.000 đồng;

- Lưới B40 cao 1,5 mét, dài 20 mét, cân nặng 54 kg, được định giá 1.107.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản là 18.063.000 đồng.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 21/KL-HĐĐG ngày 18/8/2023, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự cấp huyện M, tỉnh Bến Tre, xác định: Sắt mới mạ kẽm giá: 17.500 đồng/kg

- 33 cây sắt kích thước 30x60x1,2x6000, nặng 10kg/cây;

- 09 cây sắt kích thước 40x80x1,2x6000, nặng 15kg/cây;

- 07 ống tròn kích thước 76x1,4x6000, nặng 15,5kg/cây;

- 05 cây sắt loại 25 vuông, nặng 6kg/cây;

- 02 cây sắt loại V40, nặng 10,5kg/cây.

Tổng giá trị tài sản là 10.928.750 đồng

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 24/KL-HĐĐGHS ngày 22/8/2023, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự cấp huyện G, tỉnh Tiền Giang, xác định:

- 24 thanh sắt dạng hộp cùng loại có kích thước (30x60x1,4x6000)mm, hiệu Hoà Phát, được định giá 5.520.000 đồng;

- 10 thanh sắt dạng hộp cùng loại có kích thước (40x80x1,4x6000)mm, hiệu Hoà Phát, được định giá 3.120.000 đồng;

- 10 thanh sắt dạng hộp cùng loại có kích thước (50x10x1,4x6000)mm, hiệu Hoà Phát, được định giá 3.920.000 đồng;

- 15 thanh sắt dạng vuông cùng loại có kích thước (30x1,2x6000)mm, hiệu Hoà Phát, được định giá 2.025.000 đồng;

- 10 thanh sắt dạng vuông cùng loại có kích thước (90x1,4x6000)mm, hiệu Hoà Phát, được định giá 4.750.000 đồng;

- 15 thanh sắt loại V4 có cùng loại dài 06 mét, được định giá 3.450.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là 22.785.000 đồng.

Tất cả tài sản trên được định giá tổng cộng 51.776.750 đồng.

Ngày 02/8/2023, Hồng Quang H đến Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thị xã T đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án. Ngày 08/8/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã T đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị cáo Hồng Quang H về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Sau khi tiếp nhận sự việc Công an thị xã T, tỉnh An Giang có Công văn số 123, 125/CV-CQĐT ngày 01/10/2023 gửi Cơ quan điều tra - Công an huyện M, tỉnh Bến Tre và Cơ quan điều tra - Công an huyện G, tỉnh Tiền Giang điều tra làm rõ xử lý theo thẩm quyền.

Ngày 26/10/2023 Cơ quan điều tra - Công an thị xã T ra quyết định nhập vụ án hình sự số: 03/QĐ-ĐCSHS để giải quyết chung theo quy định và tại đây bị cáo Hồng Quang H khai nhận toàn bộ hành vi sự việc như 03 vụ vừa nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số: 09/CT-VKSTB - HS ngày 21/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên truy tố bị cáo Hồng Quang H về tội *" Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Bị cáo H đã thừa nhận hành vi phạm tội, đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên đã truy tố bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Hồng Quang H phạm tội *" Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

Về hình phạt chính: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hồng Quang H từ 03 năm đến 04 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo H không có nghề nghiệp, do bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

Biện pháp tư pháp:

Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị:

Trả lại xe mô tô biển số 67L2- 168.26, màu sơn đen, nhãn hiệu Honda, số loại: VaRio 150 cho chị Nguyễn Thị Mỹ H1.

- Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 584, 585, 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự đề nghị:

Buộc bị cáo trả lại số tiền 9.905.000 đồng cho anh Đào Viết Đ và chị Nguyễn Thị D.

Đối với:

- Chị Nguyễn Thị Mỹ H1 không biết việc H sử dụng xe mô tô biển số 67L2 – 168.26 làm phương tiện dùng vào việc phạm tội. Nên, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã T không quy kết trách nhiệm đối với chị H1 là có căn cứ.

- Anh Nguyễn Minh T3, chị Lê Thị Kim T2, anh Phan Hoàng A, anh Đào Viết Đông và chị Nguyễn Thị D khi mua các thanh sắt và lưới B40 của Hữu bán, không biết tài sản do H phạm tội mà có. Nên, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã T không quy kết trách nhiệm đối với anh T3, chị T2, anh A, anh Đ và chị D là có căn cứ.

- Chị Phạm Thị L1, chị Đinh Thị T4 khi cho H gửi các thanh sắt và lưới B40 tại sân nhà, còn các anh Trần Thanh N1, anh Nguyễn Văn H2 và anh Trần Thanh P được H thuê chở các thanh sắt và lưới B40 đi bán, thì không biết tài sản do H phạm tội mà có. Nên, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thị xã T không quy kết trách nhiệm đối với chị L1, chị T4, anh N1, anh H2 và anh P, là có căn cứ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Mỹ H1 trình bày: Đối với chiếc xe mô tô biển số: 67L2- 168.26 là của chị, xe do chị mua năm 2018 với giá 53.000.000 đồng, tại cửa hàng Phiên P địa chỉ thành phố L, An Giang do chị đứng tên chủ sở hữu trong giấy chứng nhận đăng ký, chị cho bị cáo H là chồng chị mượn chạy làm phương tiện đi lại. Việc bị cáo H lấy xe chạy làm phương tiện phạm tội chị không biết, chị xin được nhận lại xe.

Đối với số tiền 13.000.000 đồng chị H1 nộp tại Cơ quan điều tra Công an thị xã T để bồi thường thiệt hại cho anh Nguyễn Minh T3 và chị Lê Thị Kim T2 chị H1 không yêu cầu bị cáo H phải trả lại.

Bị cáo H không có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội cũng như đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa.

Lời nói sau cùng của bị cáo:

Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, được tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng

[1] Tính hợp pháp của hành vi, quyết định khởi tố của Cơ quan điều tra - Công an thị xã T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng nhưng vắng mặt. Xét những người vắng mặt đã có lời khai trong quá trình điều tra, không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về nội dung

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo:

Xét lời khai bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, tang vật thu giữ, bản kết luận định giá và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Hồng Quang H là người có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ, do cần tiền tiêu xài nên từ ngày

02/7/2023 đến ngày 01/8/2023 bị cáo 03 lần dùng thủ đoạn gian dối là đến cửa hàng bán vật tư xây dựng đặt mua sắt các loại, lưới B40 yêu cầu chủ cửa hàng giao hàng đến địa điểm bị cáo đã chọn trước, sau khi nhận hàng bị cáo nói dối là không có tiền mặt trả, đi rút tiền rồi đến cửa hàng trả tiền sau và sau đó thuê xe chở sắt, lưới B40 đi bán lại lấy tiền tiêu xài cá nhân mà không trả tiền cho người bán hàng. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt trong 03 vụ là 51.776.750 đồng. Hành vi trên của bị cáo đã đủ cơ sở xác định bị cáo Hữu phạm vào tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng đã gây mất trật tự trị an tại địa phương, bị cáo nhận thức việc làm của mình là sai, là vi phạm pháp luật như vẫn cố ý thực hiện để mục đích có tiền để thỏa mãn tiêu xài cá nhân, bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Do đó cần phải có một mức án thật nghiêm khắc, phù hợp với hành vi của bị cáo mới đủ tác dụng giáo dục răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

Đối với:

- Chị Nguyễn Thị Mỹ H1 không biết việc H sử dụng xe mô tô biển số 67L2 – 168.26 làm phương tiện dùng vào việc phạm tội. Nên, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã T không quy kết trách nhiệm đối với chị H1 là có căn cứ.

- Anh Nguyễn Minh T3, chị Lê Thị Kim T2, anh Phan Hoàng A, anh Đào Viết Đông và chị Nguyễn Thị D khi mua các thanh sắt và lưới B40 của Hữu bán, không biết tài sản do H phạm tội mà có. Nên, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã T không quy kết trách nhiệm đối với anh T3, chị T2, anh A, anh Đ và chị D là có căn cứ.

- Chị Phạm Thị L1, chị Đinh Thị T4 khi cho H gửi các thanh sắt và lưới B40 tại sân nhà, còn các anh Trần Thanh N1, anh Nguyễn Văn H2 và anh Trần Thanh P được H thuê chở các thanh sắt và lưới B40 đi bán, thì không biết tài sản do H phạm tội mà có. Nên, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã T không quy kết trách nhiệm đối với chị L1, chị T4, anh N1, anh H2 và anh P, là có căn cứ.

Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị Mỹ H1 xin được nhận lại chiếc xe mô tô biển số: 67L2- 168.26.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã làm rõ việc bị cáo H lấy xe mô tô biển số: 67L2- 168.26 chạy sử dụng vào hành vi phạm tội chị H1 không biết, chị H1 cho rằng chiếc xe trên là phương tiện duy nhất trong gia đình dùng vào việc đi lại khi có công việc, đồng thời chiếc xe trên là của chị, xe do chị mua năm 2018 với giá 53.000.000 đồng, tại cửa hàng Phiên P địa chỉ thành phố L, An Giang do chị đứng tên chủ sở hữu trong giấy chứng nhận đăng ký, xét yêu cầu xin nhận lại xe trên của chị Nguyễn Thị Mỹ H1 là có căn cứ chấp nhận.

Đối với số tiền 13.000.000 đồng chị H1 nộp tại Cơ quan điều tra - Công an thị xã T để bồi thường thiệt hại cho anh Nguyễn Minh T3 và chị Lê Thị Kim T2 tại phiên Tòa chị H1 xác định là không yêu cầu bị cáo H phải trả lại nên được ghi nhận.

Do đó, Cáo trạng số: 09/CT-VKSTB - HS ngày 21/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên truy tố bị cáo Hồng Quang H về tội *" Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[5] Xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng: Trong một thời gian ngắn, bị cáo H đã thực hiện nhiều lần hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản do đó bị áp dụng tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải, sau khi phạm tội đã ra đầu thú đồng thời vận động gia đình bồi thường số tiền 13.000.000 đồng cho bị hại, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Căn cứ vào nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xét đề nghị của Kiểm sát viên, trên cơ sở cân nhắc đầy đủ và toàn diện tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội, hành vi phạm tội của bị cáo Hội đồng xét xử thấy: Cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo H không có nghề nghiệp, do bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[8] Trách nhiệm dân sự:

Đối với các bị hại anh Nguyễn Duy T9, anh Đặng Hoàng V, chị Lê Thị Di N, anh Phạm Văn L trong quá trình điều tra truy tố đã nhận lại tài sản không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không xem xét.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Anh Đào Viết Đ và chị Nguyễn Thị D vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra – Công an huyện M, tỉnh Bến Tre lấy lời khai và nghi nhận yêu cầu của anh Đ và chị D *(tại bút lục số 302, 307)* có yêu cầu bị cáo H trả lại số tiền 9.905.000 đồng tiền mua bán sắt đối với bị cáo, tại phiên Tòa bị cáo H đồng ý trả lại số tiền trên cho anh Đ và chị D nên được ghi nhận.

Đối với anh Phan Hoàng A trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra – Công an huyện G, tỉnh Tiền Giang tiến hành lấy lời khai ghi nhận lời khai, ý kiến anh Phan Hoàng A *(tại bút lục số 429)* đối với số tiền 14.782.500 đồng; tiền mua bán sắt đối với bị cáo H, anh A không yêu cầu bị cáo H trả lại số tiền trên nên không xem xét.

Đối với anh Nguyễn Minh T3 và chị Lê Thị Kim T2 đã nhận lại số tiền 13.000.000 đồng từ gia đình bị cáo nộp khắc phục tại Cơ quan điều tra – Công an thị xã T, anh T3, chị T2 không yêu cầu bị cáo H bồi thường gì thêm nên không xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng của vụ án:

Đối với chiếc xe mô xe mô tô biển số 67L2- 168.26 bị cáo đã dùng vào việc hành vi phạm tội, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã làm rõ đây là tài sản của chị Nguyễn Thị Mỹ H1, việc bị cáo lấy sử dụng vào việc phạm tội chị H1 không biết, đây là phương tiện duy nhất trong gia đình chị xin được nhận lại là có căn cứ chấp nhận.

[10] Xét đề nghị của Kiểm sát viên, thực hiện quyền công tố tại phiên tòa, về mức hình phạt và về trách nhiệm dân sự cơ bản phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận

[11] Về án phí: Buộc bị cáo Hồng Quang H phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Hồng Quang H phạm tội " *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản* ".

2. Về hình phạt chính:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Hồng Quang H 03 *(ba)* năm tù về tội *" Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".*

Thời hạn chấp hành hình phạt tù đối với bị cáo Hồng Quang Hữu t từ ngày 02/8/2023.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo việc thi hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

3.Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự 2015.

Buộc bị cáo Hồng Quang H trả số tiền 9.905.000 đồng *(Chín triệu chín trăm lẻ năm nghìn đồng)* cho anh Đào Viết Đ2 và chị Nguyễn Thị D.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật *(đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án*) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (*đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án)* cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

4. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị Mỹ H1 xe mô tô biển số 67L2- 168.26, màu sơn đen, nhãn hiệu Honda, số loại: VaRio 150 (*xe đã qua sử dụng).*

(Vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tịnh Biên*, theo biên bản giao nhận vật chứng tài sản giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra* Công an thị xã T *và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tịnh Biên ngày 05/01/2024).*

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBNTQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Hồng Quang H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (*Hai trăm nghìn)* đồng. Án phí dân sự sơ thẩm số tiền 495.000 đồng *(Bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng).*

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng thời hạn kháng cáo vắng mặt là 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Viện KSND thị xã Tịnh Biên;
- Tòa án nhân dân tỉnh ;
- Sở Tư pháp ;
- Nhà Tạm giữ ;
- Phòng hồ sơ ;
- Chi cục THADS thị xã Tịnh Biên;
- Bộ phận THA Tòa án ;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Mai Văn Khánh